|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I****NĂM HỌC 2020- 2021****MÔN: NGỮ VĂN 9** |

**PHẦN I. VĂN BẢN:**

**1. Truyện trung đại:**

* Tóm tắt, nêu được tình huống truyện, nắm vững nội dung, nghệ thuật  và ý nghĩa “*Chuyện người con gái Nam Xương”.*
* *Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều:*

*+ Tác giả Nguyễn Du*: Nêu được thân thế, cuộc đời, con người, sự nghiệp.

*+ Truyện Kiều và các đoạn trích:* Nguồn gốc, tóm tắt nội dung, giá trị tác phẩm( giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo, giá trị nghệ thuật)

Các đoạn trích:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN VB** | **TÁC GIẢ** | **XUẤT  XỨ** | **NỘI DUNG** | **NGHỆ THUẬT** |
| 1 | ***Chị em Thúy Kiều*** | Nguyễn Du | - Trích ***“Truyện Kiều”*** | Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người và dự cảm về số phận tài hoa bạc mệnh | Bút pháp ước lệ  tượng trưng cổ điển, miêu tả chân dung |
| 2 | ***Kiều ở lầu Ngưng Bích*** | Nguyễn Du | - Trích ***“Truyện Kiều”*** | Cảnh ngộ cô đơn buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo cuả Thúy Kiều | Bút pháp tả cảnh ngụ tình |

**2. Thơ hiện đại:**

- *Đồng chí* - Chính Hữu;

- *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* - Phạm Tiến Duật;

- *Đoàn thuyền đánh cá*- Huy Cận;

- *Bếp lửa* - Bằng Việt;

*- Ánh trăng* - Nguyễn Duy.

- Học thuộc lòng các bài thơ và nắm được tên tác giả,hoàn cảnh sáng tác,giá trị nghệ thuật,nội dung, ý nghĩa nhan đề của các bài thơ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tác giả** | **Tác phẩm** | **Xuất xứ, HCRĐ, năm ST** | **Giai đoạn sáng tác** | **Thể loại** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| Chính Hữu | Đồng chí | 1948- sau chiến dịch Việt Bắc | Văn học Thời kì chống Pháp | Thơ tự do | - Hình ảnh đẹp, bình dị mà cao cả của người lính cách mạng với tình đồng đội; đồng chí sâu sắc, gắn bó bền chặt. |  - Thể thơ tự do, kết hợp giữa tự sự và trữ tình. Giọng thơ tâm tình tha thiết.- Hình ảnh liên tưởng bất ngờ. |
| Phạm Tiến Duật | Bài thơ về tiểu đội xe không kính | 1969- Những năm kháng chiến chống Mỹ trên tuyến đường Trường Sơn | Văn học Thời kì chống Mỹ | Thơ tự do | Qua hình ảnh những chiếc xe không kính, bài thơ khắc họa nổi bật hình ảnh người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời chống Mỹ, với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam. | Ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khỏe khoắn. |
| Huy Cận | Đoàn Thuyền đánh cá | 1958 | Thời kì MB xây dựng XHCN | Thơ bảy chữ | Khắc họa nhiều hình ảnh đẹp, tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống. | Xây dựng hình ảnh bằng liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo: có âm hưởng khỏe khoắn, hào hùng, lạc quan. |
| Bằng Việt | Bếp lửa | 1963  | Văn học Thời kì chống Mỹ | Thơ tám chữ  | Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ **Bếp lửa** gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kí nh yêu trân trọng và biết ơn của người cháu với bà và cũng là với gia đình, quê hương, đất nước. | Bài thơ kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự và bình luận, sự sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền  với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi mọi kỉ niệm, cảm xúc và suy nghĩ về bà và tình bà cháu. |
| Nguyễn Duy | Ánh trăng | 1978- tại thành phố Hồ Chí Minh( ba năm sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng) | Văn học sau 1975 (sau chiến tranh) | Thơ ngũ ngôn | Bài thơ như một lời nhắc nhở về nhữ ng năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước, bình dị, hiền hậu.Bài thơ có ý nghĩa gợi nhắc, củng cố ở người đọc thái độ sống “Uống nước nhớ nguồn”,  ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ. | Giọng điệu tự nhiên, hình ảnh giàu tính biểu cảm. |

**3. Truyện hiện đại:**

- *Làng* - Kim Lân;

*- Lặng lẽ Sa Pa*- Nguyễn Thành Long;

*- Chiếc lược ngà*- Nguyễn Quang Sáng.

Nắm được tác giả và tác phẩm,hoàn cảnh sáng tác, nắm đặc điểm nhân vật, sự việc, cốt truyện, diễn biến tâm trạng nhân vật, nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa của các tác phẩm.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tác phẩm | Tác giả | Năm ST | Ngôi kể |  Nội dung |  Nghệ thuật |
| Làng | Kim Lân | 1948 | Thứ ba | - Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư được thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động ở nhân vật Ông Hai trong thời kỳ đầu kháng chiến | - Xây dựng tình huống truyện đặc sắc.- Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế. |
| Lặng lẽ Sa Pa | Nguyễn Thành Long | Mùa hè 1970- chuyến đi Lào Cai công tác của  t.giả | Thứ ba | - Truyện đã khắc họa thành công hình tượng người lao động mới với lí tưởng sống cao đẹp, đáng trân trọng. Tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên với công việc của mình.- Truyện nêu lên ý nghĩa và niềm vui của lao động chân chính | - Truyện giàu chất trữ tình.- Xây dựng cốt truyện đơn giản, tạo tình huống hợp lý.- Dùng nhân vật phụ làm nổi bật nhân vật chính |
| Chiếc lược ngà | Nguyễn Quang Sáng | 1966 | Thứ nhất | Truyện đã diễn tả cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Qua đó, tác giả khẳng định và ca ngợi tình cảm cha con thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc, nó càng cao đẹp trong hoàn cảnh khó khăn. | - Cốt truyện chặt chẽ có những tình huống bất ngờ nhưng hợp lí.- Lựa chọn người kể chuyện thích hợp.- Miêu tả tâm lí nhân vật thành công. |

**PHẦN II. TIẾNG VIỆT**

**1. Các phương châm hội thoại:**

 ***- Phương châm về lượng*** yêu cầu khi giao tiếp, cần nói có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.

* ***Phương châm về chất*** yêu cầu khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng và không có bằng chứng xác thực.
* ***Phương châm quan hệ*** yêu cầu khi giao tiếp cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề.
* ***Phương châm cách thứ****c* yêu cầu khi giao tiếp cần chú ý nói ngắn gọn, rành mạch, tránh nói mơ hồ.
* ***Phương châm lịch sự*** yêu cầu khi giao tiếp cần tế nhị và tôn trọng người khác.
* ***Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp****:* Việc vận dụng các phương châm hội thoại cần phù hợp với tình huống giao tiếp.

 ***\* Việc không tuân thủ phương châm hội thoại có thể bắt nguồn từ những nguyên nhân sau:***

 - Người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hóa giao tiếp.

 ( VD:-Chào cả nhà, mọi người đang nghỉ trưa đấy à?

 - Người nói phải ưu tiên cho một phương châm hội thoại hoặc một yêu cầu khác quan trọng hơn.

 VD: Bác sĩ nói với bệnh nhân/ người nhà bệnh nhân về bệnh tật khi mắc bệnh hiểm nghèo.

 - Người nói muốn gây một sự chú ý để người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý nào đó.

 VD: Tiền bạc chỉ là tiền bạc!

**2. Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp**

***- Dẫn trực tiếp*** là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật. Lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép

***-Dẫn gián tiếp*** là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật có điều chỉnh cho phù hợp. Lời dẫn gián tiếp không được đặt trong dấu ngoặc kép.

* *Cần lưu ý khi chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp:*

 - Bỏ dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.

 - Thay đổi đại từ xưng hô, từ ngữ định vị về thời gian cho phù hợp.

 - Lược bỏ các từ chỉ tình thái.

 - Thêm từ *rằng* hoặc *là* trước lời dẫn.

 - Không nhất thiết phải chính xác từng từ nhưng phải dẫn đúng về ý.

* *Cần lưu ý khi chuyển lời dẫn gián tiếp thành lời dẫn trực tiếp:*

 - Khôi phục lại nguyên văn lời dẫn (thay đổi đại từ xưng hô, thêm bớt các từ ngữ cần thiết ,…).

 - Sử dụng dấu hai chấm và dầu ngoặc kép.

VD: -Dẫn trực tiếp: Bác Hồ nói: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

 -Chuyển sang dẫn gián tiếp: Bác Hồ nhắc nhở chúng ta rằng độc lập tự do là thứ không gì quý bằng.

 -Dẫn trực tiếp: Trong cuốn sách Hồ Chủ tịch hình ảnh của dân tộc, tinh hoa của thời đại đồng chí Phạm Văn Đồng viết: “Giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người”.

 -Chuyển sang dẫn gián tiếp: Trong cuốn sách Hồ Chủ tịch hình ảnh của dân tộc, tinh hoa của thời đại đồng chí Phạm Văn Đồng khẳng định rằng Hồ Chủ tịch là người giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người.

**PHẦN III. TẬP LÀM VĂN**

                                **Kiểu văn bản tự sự.**

*-* Học sinh nắm vững các bước làm bài văn tự sự có sử dụng các yếu tố nghị luận, miêu tả, miêu tả nội tâm; đối thoại và độc thoại nội tâm.

***-*** Dùng ngôi 1, ngôi ba kể lại : ***“Chuyện người con gái Nam Xương”, “Làng”, Lặng lẽ Sa Pa”, “Chiếc luợc ngà”, “Ánh trăng”, “Bếp lửa”,  “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” ….Kể lại một kỉ niệm (vui, buồn) đáng nhớ của mình, kể lại một câu chuyện về lòng yêu thương, sự bao dung, nhân ái…***

**\*MỘT SỐ DÀN Ý THAM KHẢO**

**ĐỀ 1: Hãy tưởng tượng mình được gặp gỡ và trò chuyện với nhân vật người lính lái xe trong “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật. Viết bài văn kể lại cuộc trò chuyện đó**.

a. Mở bài: Giới thiệu được tình huống, sự việc, nhân vật( tình huống có thể là trong mơ hoặc nhân ngày thành lập quân đội 22/12)

b. Thân bài: Kể diễn biến cuộc gặp gỡ đó

 - Khung cảnh cuộc gặp gỡ

 - Nội dung cuộc trò chuyện

 + Về hoàn cảnh chiến đấu( những chiếc xe do bom đạn giặc mĩ tàn phá trở nên biến dạng: không kính, không đèn, không mui… những khó khăn xe đem đến: gió, mưa, bụi…)

+ Tinh thần chiến đấu: dựa vào từng khổ thơ để khắc họa hình ảnh, phẩm chất người chiến sĩ lái xe.

>Khi kể chú ý xen kẽ miêu tả nội tâm nhân vật người lính, cảm xúc, suy nghĩ của người kể bàng các hình thức đối thoại, độc thoại.

c. Kết bài

- Cảm xúc về thế hệ trẻ trong kháng chiến chống Mĩ.

- Suy nghĩ về thế hệ trẻ hôm nay và rút ra bài học cho bản thân.

**ĐỀ 2: Kể lại truyện ngắn “ Chiếc lược ngà” theo dòng hồi tưởng của nhân vật Thu khi đã lớn( tạo lập văn bản có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận, các hình thức đối thoại và độc thoại nội tâm)**

a, Mở bài: Giới thiệu được nhân vật và nội dung chính của câu chuyện.

b, Mở bài: Kể lại toàn bộ diễn biến sự việc.

- Giới thiệu hoàn cảnh của hai cha con

+ Gần 8 năm xa cách, chưa làn nào được gặp cha.

+ Chỉ biết mặt cha qua tấm hình chụp chung với má.

- Lần đầu tiên gặp cha: Quá bất ngờ, hoảng hốt, bỏ chạy.

 - Những ngày tiếp theo:

+ Tôi kiên quyết không chịu nhận cha, từ chối tất cả mọi sự gần gũi, yêu thương của cha( Không chịu gọi ba, nói trống không, không nhờ chắt nước cơm, hất cái trứng cá ba gắp cho, bỏ sang nhà ngoại…)

* Chú ý bộc lộ nội tâm nghi ngờ, tức giận pha lẫn sự hờn tủi với má và bày tỏ tình cảm với người cha trong tấm ảnh.
* Đêm ở nhà ngoại tôi hiểu ra mọi chuyện:

 + Nghe ngoại kể về vết sẹo trên mặt ba… thao thức không ngủ được.

* Nội tâm: Ân hận, nuối tiếc, tự trách mình…
* Giây phút chia tay cha:

+ Lặng lẽ nhìn cha chuẩn bị lên đường nhưng trong lòng tôi đang cố kìm nén tình cảm…

+ Khi ba chào, tôi không kìm nén được tình cảm, bật lên tiếng gọi da diết…

+ Bộc lộ tình cảm một cách cuống quýt, hối hả, cố níu giữ những giây phút ngắn ngủi được ở bên ba.

+ Lưu luyến không muốn xa ba, dặn ba mua cho cây lược với ước mong ba sẽ trở về.

* Những ngày tôi xa ba và khi nhận được chiếc lược ngà:

+ Luôn mong nhớ và chờ đợi ngày ba trở về.

+ Niềm vui pha lẫn nỗi đau đớn khi nhận được chiếc lược ngà từ bác Ba.

* Cảm nhận tình cha con từ người đồng đội thân thiết của ba và hình ảnh ba mãi không phai mờ trong tâm trí.

c. Kết bài:

- Khẳng định tình cảm với ba.

- Lời hứa sẽ sống xứng đáng với tình cảm và sự hi sinh của ba…

**ĐỀ 3: Dựa vào bài thơ “ Ánh trăng” của Nguyễn Duy, em hãy chọn một vai kể thích hợp và kể lại câu chuyện giữa người lính với ánh trăng. Khi kể cần kết hợp với yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận, các hình thức đối thoại, độc thoại.**

a. Mở bài: Giới thiệu được nhân vật, sự việc và tình huống gặp gỡ.

b. Thân bài: Học sinh kể lại toàn bộ diễn biến các sự việc.

- Người lính và ánh trăng trong quả khứ.

- Người lính với ánh trăng trong hiện tại.

- Tình huống gặp lại ánh trăng giúp người lính nhận ra sự vô tâm của mình với trăng, với quá khứ.

- Suy ngẫm của người lính về thái độ sống với quá khứ nghĩa tình, với đồng đội, với quê hương, Tổ quốc. Từ đó xác định cho mình thái độ sống đúng đắn với gia đình, cộng đồng.

c. Kết bài:

- Cảm xúc của người lính.

- Suy nghĩ và rút ra bài học cho bản thân./.

 ............HẾT............